

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 37/2023/HS-ST
Ngày 29/9/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Yến

Ông Nguyễn Khắc Quyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/TLST-HS ngày 07/9/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HS ngày 16/9/2023 đối với bị cáo:

LƯƠNG VĂN S, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1998 tại Yên Bái. Đăng ký HKTT: Thôn Y, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở hiện tại: không có nơi ở cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn H (đã chết), con bà Nông Thị S, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Tuyên Quang; bị cáo đang chấp hành hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 38/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tại trại giam Hồng Ca - Cục C10 - Xã Hưng Khánh, huyện Chấn Yên, tỉnh Yên Bái; bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố số 5, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Phạm Tất Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 02 năm 2023, Lương Văn S đến làm thuê ở Xưởng cơ khí tại phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng cùng với anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986, nơi thường trú: Tổ 1, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Buổi tối, S với anh K ngủ nhờ tại nhà anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1984, nơi thường trú: Tổ dân phố số 5, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Tối ngày 25/02/2023, S cùng anh K ăn cơm tại nhà anh Tuấn A. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, mọi người trong nhà anh Tuấn A đều đi ngủ. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 26/02/2023, thấy mọi người ngủ say, S nảy sinh ý định trộm cắp 01 xe mô tô Biển kiểm soát 15K1 - 118.80 của anh Tuấn A. S lấy chìa khoá xe để trên kệ Ti vi, mở khoá dắt xe mô tô ra ngoài cổng, quay vào phòng lấy Va li quần áo của S thì thấy 01 Ví da màu đen của anh K rơi ở nền nhà. S nhặt lên mở xem trong Ví thấy có tiền và một số giấy tờ nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để lấy tiền chi tiêu. S cất Ví của anh K rồi điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 15K1 - 118.80 của anh Tuấn A đi về nhà ở huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Trên đường đi, S kiểm tra thấy trong Ví của anh K có 5.800.000 đồng, S lấy tiền chi tiêu cá nhân rồi vắt Ví cùng giấy tờ trong Ví của anh K trên 01 đoạn đường quốc lộ (không xác định vị trí cụ thể). Vào khoảng tháng 3/2023, khi đi xe mô tô Biển kiểm soát 15K1 - 118.80 trộm cắp được của anh Tuấn A đến tỉnh Hưng Yên để tìm việc làm thuê thì S bị mất xe. Do là xe trộm cắp được nên S không trình báo Cơ quan Công an.

Ngày 04/4/2023, Lương Văn S trộm cắp tài sản tại thôn L, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Đến 06/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hoá quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Lương Văn S về tội “Trộm cắp tài sản”. S bị tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Tuyên Quang; bị cáo đang chấp hành hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 38/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tại trại giam Hồng Ca - Cục C10 - Xã Hưng Khánh, huyện Chấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô Biển kiểm soát 15K1 - 188.80 của anh Tuấn A; 01 Ví da, số tiền 5.800.000 đồng và một số giấy tờ của anh K; hiện đều không thu hồi được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự - UBND quận Đồ Sơn, kết luận: "01 xe mô tô Jupiter, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đen - bạc, Biển kiểm soát 15K1 - 118.80, số khung: B9609Y071787, số máy 5B96-071792 có giá 6.500.000^d (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng)".

Về trách nhiệm dân sự: Anh Tuấn A yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá xe mô tô Biển kiểm soát 15K1 - 118.80 với số tiền 6.500.000 đồng theo Kết luận định giá

của Hội đồng định giá tài sản; anh K yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.800.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của anh, không yêu cầu bị cáo trả lại 01 Ví cùng giấy tờ trong ví của anh; bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết số tiền của anh K. Hiện bị cáo chưa bồi thường anh Tuấn A, anh K.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi “Trộm cắp tài sản” của anh Tuấn A, anh K sử dụng tài sản, làm mất tài sản trộm cắp được, chi tiêu hết số tiền do phạm tội mà có như nội dung vụ án đã nêu. Bị hại gồm anh Tuấn A, anh K; người làm chứng - anh Đ cùng khai: Phù hợp với lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; số lượng, nhãn hiệu, đặc điểm, trị giá tài sản bị chiếm đoạt; Anh Tuấn A yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá xe mô tô Jupiter, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đen - bạc, Biển kiểm soát 15K1 - 118.80 của anh hiện không thu hồi được, với số tiền 6.500.000 đồng (theo Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản); anh K yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.800.000 đồng bị cáo lấy trong Ví của anh, không yêu cầu bị cáo trả lại 01 Ví cùng giấy tờ trong ví của anh hiện không thu hồi được; bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết số tiền của anh K. Hiện bị cáo chưa bồi thường anh Tuấn A, anh K; anh Tuấn A, anh K, anh Đạt đều khai về các tình tiết khác có liên quan phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 06/9/2023, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố bị cáo Lương Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên công bố bản Cáo trạng. Bị cáo vắng mặt do đang phải chấp hành hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 38/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang - có đơn xin xét xử vắng mặt (có xác nhận của Trại giam Hồng Ca - Cục C10 - Xã Hưng Khánh, huyện Chấn Yên, tỉnh Yên Bái) được Hội đồng xét xử chấp nhận; các bị hại, người làm chứng đều vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Chủ tọa phiên toà thay mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố của bị cáo, bị hại, người làm chứng và công bố tài liệu, chứng cứ gồm: Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản; các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Sau khi đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng; luận tội và đề xuất với Hội đồng xét xử về mức hình phạt, xử lý vật chứng và các vấn đề khác trong vụ án như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Lương Văn S từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án này

với hình phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 38/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án từ 33 (ba mươi ba) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/4/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự: Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xác định, bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có nơi ở cố định. Nên không đề nghị phạt tiền đối với bị cáo.

- Về nhân thân: Sau khi thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” tại Đồ Sơn, bị cáo đến huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang trộm cắp 01 xe mô tô Honda Vision BKS 22F1-337.78 trị giá 27.750.000 đồng. Bản án số 38/2023/HSST ngày 17/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, đã xử phạt bị cáo 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô Biển kiểm soát 15K1-188.80 của anh Tuấn A; 01 ví da, số tiền 5.800.000 đồng của anh K hiện không thu hồi được.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Tuấn A yêu cầu bị cáo phải bồi thường 6.500.000 đồng là trị giá tài sản xe mô tô; anh K yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.800.000 đồng bị cáo chiếm đoạt; xe mô tô hiện không thu hồi được, số tiền bị cáo chiếm đoạt đã chi tiêu cá nhân hết. Nên cần buộc bị cáo phải bồi thường anh Tuấn A 6.500.000^d (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng), bồi thường anh K 5.800.000^d (năm triệu, tám trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 625.000^d (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, bị cáo S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt do đang phải chấp hành án ở Trại tạm giam Hồng Ca - Cục C10 - Xã Hưng Khánh, huyện Chấn Yên, tỉnh Yên Bái, được Hội đồng xét xử chấp nhận; các bị hại, người làm chứng đều vắng mặt. Tuy nhiên, bị cáo, các bị hại, người làm chứng đều đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án nên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo, các bị hại, người làm chứng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh, điều luật áp dụng:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra phù hợp với biên bản xác định hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản, các tài liệu khác; phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 02 năm 2023, tại nhà anh Nguyễn Tuấn A ở tổ dân phố 5, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Lương Văn S có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô Biển kiểm soát 15K1 - 118.80 của anh Nguyễn Tuấn A, có trị giá 6.500.000^d (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) theo Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản và số tiền 5.800.000^d (năm triệu tám trăm nghìn đồng), 01 Ví và một số giấy tờ cá nhân cất trong Ví của anh Nguyễn Văn K. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung:

[3] Tài sản bị cáo chiếm đoạt gồm 01 xe mô tô, có trị giá 6.500.000^d (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) theo Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản và số tiền 5.800.000^d (năm triệu tám trăm nghìn đồng), 01 Ví và một số giấy tờ cá nhân của 02 bị hại. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" như Viện Kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, sau khi bị cáo thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" tại quận Đồ Sơn, thành phố Hải

Phòng ngày 26/02/2023. Bị cáo đến huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” 01 xe mô tô Honda Vision BKS 22F1-337.78, trị giá 27.750.000 đồng vào ngày 04/4/2023 nên đã bị xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 38/2023/HSST ngày 17/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt, vấn đề dân sự, trách nhiệm bồi thường:

[6] Về hình phạt chính: Từ những phân tích về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội mà còn gây tâm lý bức xúc trong nhân dân, nên cần bắt bị cáo S phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6.1] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, do bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có nơi ở cố định, không có tài sản riêng có giá trị. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6.2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường anh Tuấn A 6.500.000^d (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng); bồi thường anh K 5.800.000^d (năm triệu, tám trăm nghìn đồng).

- Về vật chứng:

[7] Tài sản bị chiếm đoạt gồm: 01 xe mô tô Jupiter, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn đen - bạc của anh Nguyễn Tuấn A; số tiền 5.800.000 đồng, 01 ví da và một số giấy tờ cá nhân của anh Nguyễn Văn K; đến nay đều không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

Lương Văn S 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 18 (mười tám) tháng tù tại Bản án số 38/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 06/4/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường anh Tuấn A 6.500.000^d (sáu triệu, năm trăm nghìn đồng); bồi thường anh K 5.800.000^d (năm triệu, tám trăm nghìn đồng).

- Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 625.000^d (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh Tuấn A và anh K.

- Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; anh Tuấn A, anh K vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ bị hại trong thời hạn 15 ngày, tính từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn, thành phố HP;
- Công an quận Đồ Sơn, HP + Phòng PV 06 CAHP;
- CQ THAHS cấp huyện + Phòng PC 10 CAHP;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn + Sở Tư pháp, HP;
- Trại giam Hồng Ca - Cục C10 - Xã Hưng Khánh, huyện Chấn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; các bị hại;
- UBND xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng